**BẢN GIẢI TRÌNH SỰ THAY ĐỔI TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thông tư 10** | **Dự thảo Thông tư** | **Lý do sửa đổi** |
| 1 | **1. Đối tượng áp dụng**  a. Tổ chức tín dụng được cho khách hàng vay để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài là các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.  b. Khách hàng vay là các nhà đầu tư quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và Điều 2 Nghị định số 78/2006/NĐ-CP. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đâu gọi là tổ chức tín dụng) đối với khách hàng để đầu tư ra nước ngoài theo hình thức quy định tại các điểm a, b, c và đ Khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư.  **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Khách hàng vay vốn tại tổ chức tín dụng (sau đây gọi là khách hàng) là cá nhân và pháp nhân các nhà đầu tư quy định tại các điểm a, b, d, đ Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25/9/2015 của Chính phủ là người cư trú.  2. Các tổ chức không có tư cách pháp nhân khi tham gia quan hệ vay vốn thì chủ thể tham gia xác lập, thực hiện các giao dịch vay vốn theo quy định tại Điều 101 Bộ Luật dân sự;  3. Các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam cho khách hàng vay để đầu tư ra nước ngoài;  4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. | - Tách thành 2 Điều: phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.  - Bỏ khái niệm đầu tư trực tiếp ra nước ngoài vì Luật đầu tư và Nghị định 83 không có khái niệm này. Phạm vi áp dụng không bao gồm điểm d Điều 52 Luật Đầu tư do nội dung này đã được quy định tại Nghị định 135/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.  - Sửa đối tượng khách hàng vay phù hợp với quy định tại Bộ Luật dân sự 2015 và Thông tư 39/2016/TT-NHNN.  - Khách hàng vay vốn tại tổ chức tín dụng là cá nhân và pháp nhân các nhà đầu tư (*không bao gồm tổ chức tín dụng)* là người cư trú |
| 2 | **4. Nhu cầu vốn vay**  Tổ chức tín dụng cho khách hàng vay để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài các nhu cầu vốn bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ như sau:  a. Để góp vốn bằng tiền thực hiện dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.  b. Để chi phí, mua các tài sản ở Việt Nam và nước ngoài phục vụ cho dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, bao gồm: máy móc, thiết bị; vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, hàng hóa thành phẩm và bán thành phẩm; giá trị quyền sở hữu công nghiệp, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật, quyền sở hữu tuệ; các tài sản hợp pháp khác.  Tổ chức tín dụng không được cho vay các nhu cầu vốn của khách hàng để chi phí, mua các tài sản mà pháp luật Việt Nam cấm hoặc hạn chế chuyển ra nước ngoài, tài sản mà pháp luật nước tiếp nhận đầu tư cấm hoặc hạn chế giao dịch. | **Điều 3. Nhu cầu vốn vay**  1. Tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cho khách hàng vay để đầu tư ra nước ngoài đối với các nhu cầu vốn sau:  a) Góp vốn điều lệ bằng tiền để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các hình thức quy định tại các điểm a, b, c Khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư;  b) Chi phí, mua các tài sản ở Việt Nam và nước ngoài, bao gồm: máy móc, thiết bị; vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, hàng hóa thành phẩm và bán thành phẩm; giá trị quyền sở hữu công nghiệp, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật, quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu; các tài sản hợp pháp khác để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các hình thức quy định tại các điểm a, b, c Khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư;  2. Trường hợp khách hàng vay để đầu tư ra nước ngoài theo hình thức quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định thì tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cho khách hàng vay sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận về hình thức đầu tư và nhu cầu vay vốn;  3. Tổ chức tín dụng không được cho vay các nhu cầu vốn theo quy định tại Điều 8 Thông tư 39/2016/TT-NHNN hoặc các nhu cầu vốn mà pháp luật nước tiếp nhận đầu tư không cho phép đầu tư, kinh doanh. | - Quy định rõ hơn nội dung tại khoản a mục 4 Thông tư 10, theo đó TCTD được góp vốn điều lệ bằng tiền để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các hình thức quy định tại các điểm a, b, c Khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư  - Khoản 2 quy định các nhu cầu vay vốn để đầu tư ra nước ngoài ngoài quy định tại khoản 1 do Thủ tướng Chính phủ quyết định (căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 83) |
| 3 | **3. Điều kiện vay vốn**  Tổ chức tín dụng xem xét và quyết định cho vay khi khách hàng vay để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện như sau:  a. Có dự án đầu tư không thuộc Danh mục các lĩnh vực bị cấm, hạn chế đầu tư trực tiếp ra nước ngoài do Thủ tướng Chính phủ ban hành.  b. Có đủ các điều kiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và chuyển vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 4, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 78/2006/NĐ-CP.  c. Có đủ các điều kiện vay vốn quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  d. Có vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn của chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối) tham gia vào tổng mức vốn đầu tư của dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài theo quy định của tổ chức tín dụng. | **Điều 4. Điều kiện vay vốn**  Tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cho vay khi khách hàng vay để đầu tư ra nước ngoài có đủ các điều kiện sau đây:  1. Có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền cấp và/hoặc đáp ứng các điều kiện về chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 64 Luật Đầu tư;  2. Có nhu cầu vay vốn theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;  3. Có phương án sử dụng vốn đầu tư ra nước ngoài khả thi;  4. Có khả năng tài chính để trả nợ từ nguồn thu từ dự án đầu tư tại nước ngoài hoặc các nguồn tiền hợp pháp khác. | - Bỏ khoản a mục 3 do Nghị định 83 đã bỏ quy định về danh mục các lĩnh vực hạn chế đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Về lĩnh vực cấm đầu tư, quy định tại Khoản 1 Điều 3 Dự thảo Thông tư đã bao hàm nội dung lĩnh vực cấm đầu tư (Khoản 2 Điều 58 quy định: “*2. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 của Luật này*”)  - Bỏ khoản d mục 3 do điều kiện này nằm trong quy định nội bộ của tổ chức tín dụng (quy định tại Điều 22 Thông tư 39/2016/TT-NHNN). |
| 4 | **6. Hồ sơ vay vốn**  Khi có nhu cầu vay vốn, khách hàng gửi cho tổ chức tín dụng giấy đề nghị vay vốn và các tài liệu cần thiết chứng minh đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại khoản 3 Thông tư này. Khách hàng vay phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp của các tài liệu gửi cho tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng hướng dẫn các loại tài liệu trong hồ sơ vay vốn phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng loại dự án đầu tư, hình thức đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và phương thức cho vay. | **Điều 5. Hồ sơ đề nghị vay vốn**  Khi có nhu cầu vay vốn, khách hàng phải gửi cho tổ chức tín dụng các tài liệu chứng minh đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và các tài liệu khác do tổ chức tín dụng hướng dẫn phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng loại dự án đầu tư, hình thức đầu tư ra nước ngoài và phương thức cho vay đối với khách hàng. |  |
| 5 |  | **Điều 6. Mức cho vay**  Mức cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức vốn đầu tư ra nước ngoài của khách hàng theo các hình thức quy định tại các điểm a, b, c và đ Khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư. | - Bổ sung điều khoản quy định cụ thể về mức cho vay không quá 70% tổng mức vốn đầu tư nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay đầu tư ra nước ngoài. |
| 6 |  | **Điều 7. Thời hạn cho vay**  Thời hạn cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với thời hạn của dự án, thời hạn của hợp đồng BBC và khả năng trả nợ của khách hàng. | - Bổ sung điều khoản quy định cụ thể về thời hạn cho vay nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay đầu tư ra nước ngoài. |
| 7 |  | **Điều 8. Đồng tiền cho vay, trả nợ**  1. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về việc cho vay để đầu tư ra nước ngoài bằng ngoại tệ hoặc đồng Việt Nam và được chuyển đổi sang đồng tiền được xác định đầu tư ra nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan;  2. Đồng tiền trả nợ là đồng tiền cho vay của khoản vay. | - Bổ sung điều khoản quy định cụ thể về đồng tiền cho vay, trả nợ phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. |
| 8 | **5. Bảo đảm tiền vay**  a. Tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cho khách hàng vay để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trên cơ sở có bảo đảm hoặc không có bảo đảm theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.  b. Trường hợp bảo đảm tiền vay bằng tài sản của khách hàng vay hoặc bên thứ ba ở nước ngoài, tài sản của pháp nhân được hình thành từ dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, thì các bên thực hiện theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, nếu việc áp dụng hoặc hậu quả của việc áp dụng không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam: tổ chức tín dụng nhận bảo đảm bằng tài sản ở nước ngoài phải có khả năng quản lý tài sản trong quá trình cho vay, xử lý được tài sản đó để thu hồi nợ, nếu khách hàng vay không trả được nợ. | **Điều 9. Bảo đảm tiền vay**  1. TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận với khách hàng việc bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan;  2. Việc áp dụng bảo đảm tiền vay bằng tài sản ở nước ngoài do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư. | - Sửa “đầu tư trực tiếp ra nước ngoài” thành “đầu tư ra nước ngoài”. |
| 9 | **7. Thực hiện quy định về ngoại hối**  Khách hàng vay để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài được chuyển số vốn vay ra nước ngoài để góp vốn thực hiện dự án đầu tư và chuyển vốn, lợi nhuận, các khoản thu nhập khác phát sinh từ dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài về Việt Nam để trả nợ vay. Trong quá trình cho vay, sử dụng vốn vay và trả nợ mọi giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài và chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam liên quan đến dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, tổ chức tín dụng và khách hàng vay thực hiện theo quy định của Pháp lệnh ngoại hối, Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ngoại hối và các văn bản quy phạm pháp luật khác về ngoại hối có liên quan | **Điều 10. Thực hiện quy định về ngoại hối**  1. Khách hàng vay để đầu tư ra nước ngoài được chuyển số vốn vay ra nước ngoài để góp vốn thực hiện dự án đầu tư và chuyển vốn, lợi nhuận, các khoản thu nhập khác phát sinh từ dự án đầu tư ra nước ngoài về Việt Nam để trả nợ vay;  2. Mọi giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài và chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam trong quá trình cho vay, sử dụng vốn vay và trả nợ liên quan đến dự án đầu tư ra nước ngoài, tổ chức tín dụng và khách hàng vay thực hiện theo quy định của Pháp lệnh ngoại hối, Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ngoại hối, Thông tư của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các văn bản quy phạm pháp luật khác về ngoại hối có liên quan. | - Giữ nguyên theo quy định tại Thông tư 10, sửa “đầu tư trực tiếp ra nước ngoài” thành “đầu tư ra nước ngoài”. |
| 10 | **8. Kiểm tra, giám sát vốn vay**  Tổ chức tín dụng có trách nhiệm và có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng, trên cơ sở báo tài chính, các tài liệu khác có liên quan của khách hàng vay và pháp nhân được hình thành từ dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài; kiểm tra trực tiếp tình hình hoạt động của dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, tài sản bảo đảm (nếu có). Tổ chức tín dụng và khách hàng vay phải có thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng về biện pháp kiểm tra, giám sát vốn vay phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm và tính chất khoản vay để bảo đảm an toàn, hiệu quả vốn cho vay. | **Điều 11. Kiểm tra, giám sát vốn vay**  Tổ chức tín dụng có trách nhiệm và có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng, trên cơ sở báo cáo tài chính, các tài liệu khác có liên quan của khách hàng vay và pháp nhân được hình thành từ dự án đầu tư ra nước ngoài, tài sản bảo đảm (nếu có). Tổ chức tín dụng và khách hàng vay phải có thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng về biện pháp kiểm tra, giám sát vốn vay phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm và tính chất khoản vay để đảm bảo an toàn, hiệu quả vốn cho vay. | - Bỏ quy định TCTD phải kiểm tra trực tiếp tình hình hoạt động của dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài do khoảng cách vị trí địa lý khi đi kiểm tra trực tiếp dự án đầu tư tại nước ngoài.  Một số TCTD phản ánh việc kiểm tra trực tiếp tình hình hoạt động của dự án cũng như tài sản bảo đảm tại nước ngoài của ngân hàng gặp nhiều khó khăn do khoảng cách địa lý, các thủ tục pháp lý ... và khó đảm bảo các quy định về tần suất, nội dung kiểm tra thực tế dự án và tài sản bảo đảm |
| 11 | **2. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng**  **9. Phân loại nợ, trích lập và xử lý rủi ro** | **Bỏ các quy định này** | Đã quy định tại Điều 17 và khoản 3 Điều 26 Thông tư 39 |
| 12 | **10. Áp dụng quy định về cho vay**  Các quy định liên quan đến cho khách hàng vay để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài mà chưa quy định cụ thể tại Thông tư này, các tổ chức tín dụng và khách hàng vay áp dụng quy định tại các văn bản: Nghị định số 78/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài; Nghi định số 138/2006/NĐ-CP ngày 15/11/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành các quy định của Bộ luật dân sự về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài; Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN; Quyết định số 738/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN; Quyết định số 966/2003/QĐ-NHNN ngày 22/8/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay là người cư trú; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. | **Điều 12. Áp dụng các văn bản pháp luật có liên quan**  Tổ chức tín dụng thực hiện việc cho vay đối với khách hàng để đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này. Những nội dung không quy định tại Thông tư này thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. | - Sửa đổi theo hướng quy định chung, không tham chiếu tới các văn bản cụ thể để thuận tiện trong triển khai thực hiện trong trường hợp các văn bản pháp luật tham chiếu hết hiệu lực thi hành. |
| 13 |  | **Điều 13. Chế độ báo cáo**  1. Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 15 của tháng liền sau quý báo cáo, tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đối với khách hàng để đầu tư ra nước ngoài theo quy định về báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước;  2. Trường hợp đột xuất, tổ chức tín dụng thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. | - Bổ sung điều khoản quy định về chế độ báo cáo |
| 14 |  | **Điều 14. Quy định chuyển tiếp**  Đối với các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày Thông tư có hiệu lực thi hành:  1. Tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng đó hoặc thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Thông tư này.  2. Trường hợp áp dụng phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, hạn mức tín dụng dự phòng, hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán, nếu trong nội dung hợp đồng không thỏa thuận thời hạn duy trì hạn mức tín dụng, hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng dự phòng, thì tổ chức tín dụng và khách hàng được tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng nhưng thời hạn duy trì của hạn mức tín dụng, hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng dự phòng tối đa không vượt quá 01 (một) năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. | Bổ sung quy định điều khoản chuyển tiếp |
| 15 |  | **Điều 16. Tổ chức thực hiện**  1. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế:  a) Đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng để đầu tư ra nước ngoài;  b) Đầu mối xử lý những vấn đề vướng mắc phát sinh liên quan đến việc cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng để đầu tư ra nước ngoài theo quy định hiện hành của pháp luật;  c) Đầu mối nghiên cứu, đề xuất ban hành, sửa đổi các cơ chế, chính sách hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng để đầu tư ra nước ngoài.  2. Vụ Quản lý ngoại hối:  Đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, xử lý các vấn đề liên quan đến nguồn vốn và quản lý ngoại hối của các dự án đầu tư ra nước ngoài khi có yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị của Bộ Kế hoạch và đầu tư.  3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:  Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát các tổ chức tín dụng trong việc cho khách hàng vay để thực hiện các hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định pháp luật về cho vay để đầu tư ra nước ngoài và quản lý ngoại hối; Xử lý các vi phạm phát sinh.  4. Các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước, theo chức năng nhiệm vụ và phạm vi quản lý, có trách nhiệm phối hợp xử lý những vấn đề vướng mắc phát sinh liên quan đến việc cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng để đầu tư ra nước ngoài trong trường hợp cần thiết. | Bổ sung quy định về trách nhiệm của các đơn vị NHNN do Điều 29 Nghị định 83 quy định các nhiệm vụ của NHNN. Vì vậy, dự thảo Thông tư quy định cụ thể nhiệm vụ của các đơn vị để thuận tiện trong quá trình triển khai, thực hiện. |